

Nhóm 6

Sinh viên 1

Họ tên: Võ Anh Kiệt

MSSV: 20520605

Sinh viên 2

Họ tên: Nguyễn Bảo Phương

MSSV: 20520704

Bài làm

Yêu cầu 1: Sử dụng lớp mạng 10.81.x.0/24, với x là 2 số cuối của MSSV để chia các mạng con cho mô hình của bài thực hành với số host phù hợp

Lớp mạng 10.81.6.0/24 -> 8 bit trống

- **Xét subnet có 100 host:**

$2^7 - 2 = 126 \text{ host} \geq 120 \text{ host}$, cần 7 bit dành cho phần host, mượn $8 - 7 = 1$ bit để làm phần net

- Dải 10.81.6.0/24 được chia thành 2 subnet:

- 10.81.6.0/25 (cài đặt 120 host)
- 10.81.6.128/25 (còn dư)

- **Xét subnet có 15 host:**

$2^5 - 2 = 30 \text{ host} \geq 15 \text{ host}$, cần 5 bit dành cho phần host, mượn $7 - 5 = 2$ bit để làm phần net.

- Dải 10.81.6.128/25 chia thành 2 subnet:

- 10.81.6.128/27 (cài đặt cho 15 host)
- 10.81.6.160/27 (còn dư)

- **Xét subnet có 10 host:**

$2^4 - 2 = 14 \text{ host} \geq 10 \text{ host}$, cần 4 bit dành cho phần host, mượn $5 - 4 = 1$ bit để làm phần net.

- Dải 10.81.6.160/27 chia thành 2 subnet:
 - 10.81.6.160/28 (cài đặt cho 15 host)
 - 10.81.6.176/28 (còn dư)

- **Xét subnet có 10 host:**

$2^2 - 2 = 2 \text{ host} \geq 2 \text{ host}$, cần 2 bit dành cho phần host, mượn $4 - 2 = 2 \text{ bit}$ để làm phần net.

- Dải 10.81.6.176/28 chia thành 4 subnet:
 - 10.81.6.176/30 (cài đặt cho 2 host)
 - 10.81.6.180/30 (cài đặt cho 2 host)
 - 10.81.6.184/30 (cài đặt cho 2 host)
 - 10.81.6.188/30 (cài đặt cho 2 host)

Số hosts	Network	Subnet mask	Dải IP	Broadcast
100	10.81.6.0/25	255.255.255.128	6.1 - 6.126	10.81.06.127
15	10.81.6.128/27	255.255.255.224	6.129 - 6.158	10.81.06.159
10	10.81.6.160/28	255.255.255.240	6.161 - 6.174	10.81.06.175
2	10.81.6.176/30	255.255.255.252	6.177 - 6.178	10.81.06.179
2	10.81.6.180/30	255.255.255.252	6.181 - 6.182	10.81.06.183
2	10.81.6.184/30	255.255.255.252	6.185 - 6.186	10.81.06.187

2	10.81.6.188/30	255.255.255.252	6.189 - 6.190	10.81.06.191
---	----------------	-----------------	------------------	--------------

Yêu cầu 2: Sử dụng các mạng con đã chia được ở Yêu cầu 1 cho các thiết bị của mô hình, lập bảng địa chỉ IP cho các thiết bị với lưu ý bên dưới

Thiết bị	Interface	Địa chỉ IP	Subnet Mask	Default Gateway
R1	G0/0/1	10.81.6.1	255.255.255.128	N/A
	S0/1/0	10.81.6.177	255.255.255.252	N/A
	S0/1/1	10.81.6.181	255.255.255.252	N/A
R2	S0/1/0	10.81.6.178	255.255.255.252	N/A
	S0/1/1	10.81.6.185	255.255.255.252	N/A
R3	G0/0/0	10.81.6.161	255.255.255.240	N/A
	G0/0/1	10.81.6.129	255.255.255.224	N/A
	S0/1/0	10.81.6.186	255.255.255.252	N/A
	S0/1/1	10.81.6.190	255.255.255.252	N/A
R4	S0/1/0	10.81.6.182	255.255.255.252	N/A
	S0/1/1	10.81.6.189	255.255.255.252	N/A
PC-A	NIC	10.81.6.4	255.255.255.128	10.81.6.1

ServerB1	NIC	10.81.6.163	255.255.255.240	10.81.6.161
ServerB2	NIC	10.81.6.131	255.255.255.224	10.81.6.129

Yêu cầu 3: Sinh viên thực hiện cấu hình cơ bản cho các thiết bị (các router và các switch)

Cấu hình cơ bản R1

```

R1
Physical Config CLI Attributes
IOS Command Line Interface

Press RETURN to get started:

Router>enable
Router#configure terminal
Enter configuration commands, one per line. End with CNTL/Z.
Router(config)#hostname R1
R1(config)#enable password insec1ab
R1(config)#service password-encryption
R1(config)#line console 0
R1(config-line)#password insec1ab
R1(config-line)#login
R1(config-line)#exit
R1(config)#line vty 0 4
R1(config-line)#password insec1ab
R1(config-line)#login
R1(config-line)#exit
R1(config)#exit
R1#copy running-config startup-config
Destination filename [startup-config]? show running-config
N5YS-5-CONFIG_1: Configured from console by console

^Error copying nvram:show running-config (Invalid argument)
R1#copy running-config startup-config
Destination filename [startup-config]?
Building configuration...
[OK]
R1#show running-config
Building configuration...

Current configuration : 816 bytes
!
version 15.4
no service timestamps log datetime msec
no service timestamps debug datetime msec
service password-encryption
!
hostname R1
!
!
enable password 7 0828425D0C1A091610
!
!
!
no ip cef
no ipv6 cef
--More--
  
```

Cấu hình cơ bản R2

```

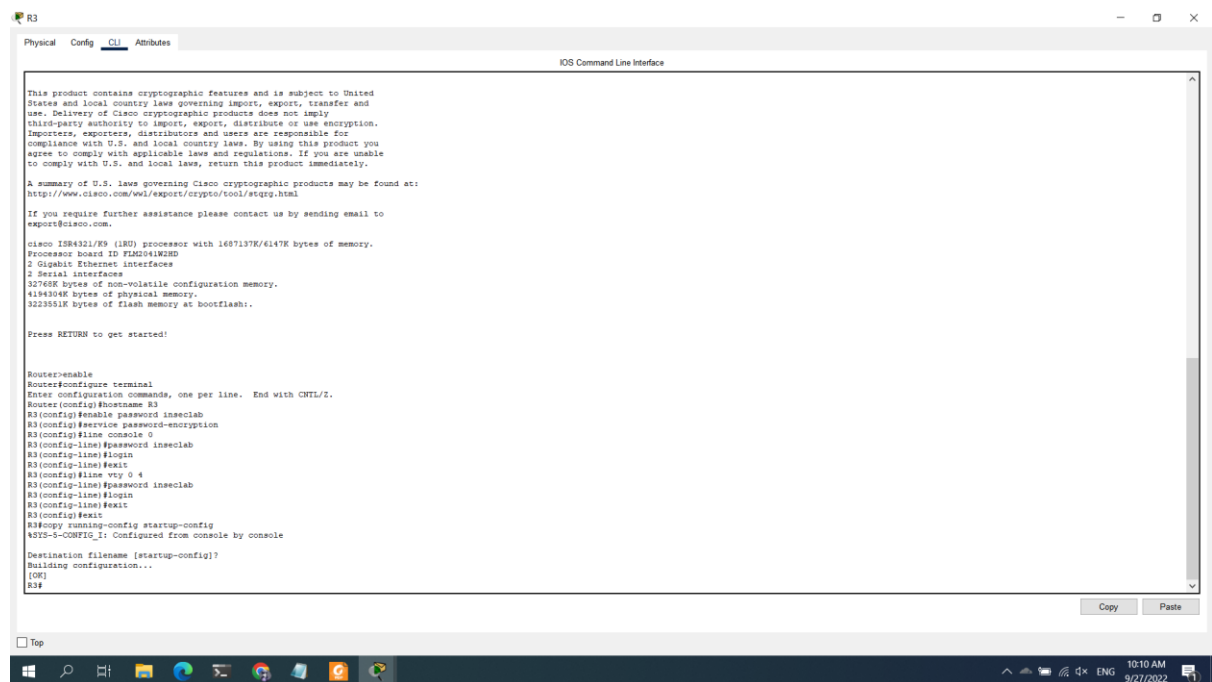
R2
Physical Config CLI Attributes
IOS Command Line Interface

Press RETURN to get started:

Router>enable
Router#configure terminal
Enter configuration commands, one per line. End with CNTL/Z.
Router(config)#hostname R2
R2(config)#enable password insec1ab
R2(config)#service password-encryption
R2(config)#line console 0
R2(config-line)#password insec1ab
R2(config-line)#login
R2(config-line)#exit
R2(config)#line vty 0 4
R2(config-line)#password insec1ab
R2(config-line)#login
R2(config-line)#exit
R2(config)#exit
R2#copy running-config startup-config
Destination filename [startup-config]?
Building configuration...
[OK]
R2#show running-config
Building configuration...

Current configuration : 816 bytes
!
version 15.4
no service timestamps log datetime msec
no service timestamps debug datetime msec
service password-encryption
!
hostname R2
!
!
enable password 7 0828425D0C1A091610
!
!
!
no ip cef
no ipv6 cef
--More--
  
```

Cấu hình cơ bản R3



```
R3
Physical Config CLI Attributes
IOS Command Line Interface

This product contains cryptographic features and is subject to United States and local country law governing import, export, transfer and use. Delivery of Cisco cryptographic products does not imply third-party authority to import, export, distribute or use encryption. Importers, exporters, distributors and users are responsible for compliance with U.S. and local country laws. By using this product you agree to comply with applicable laws and regulations. If you are unable to comply with U.S. and local laws, return this product immediately.

A summary of U.S. laws governing Cisco cryptographic products may be found at:
http://www.cisco.com/wef/export/crypto/tool/stqrg.html

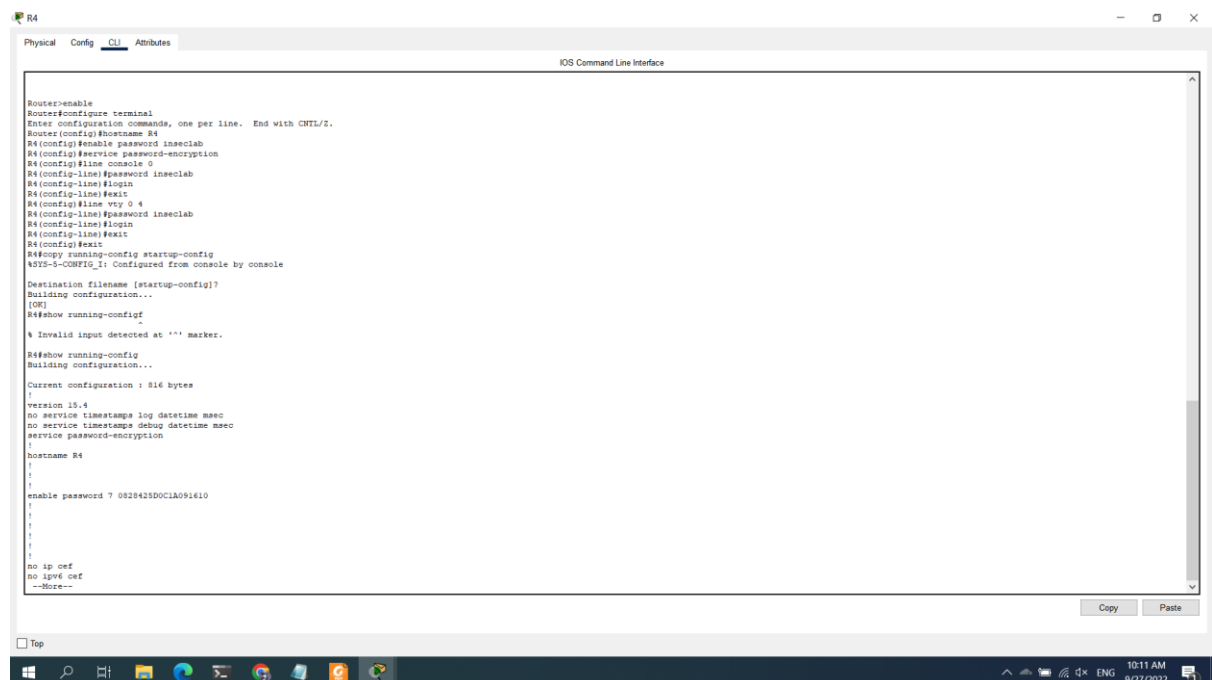
If you require further assistance please contact us by sending email to
export@cisco.com.

cisco ISR4321/R3 (1RU) processor with 1687137K/6147K bytes of memory.
Processor board ID FLM2041W2RD
3 Gigabit Ethernet interfaces
3 Serial interfaces
32768K bytes of non-volatile configuration memory.
419404K bytes of physical memory.
3223551K bytes of flash memory at bootflash:.

Press RETURN to get started!

Router>enable
Router#configure terminal
Enter configuration commands, one per line. End with CNTL/Z.
Router(config)#hostname R3
R3(config)#enable password insec1ab
R3(config)#service password-encryption
R3(config)#line console 0
R3(config-line)#password insec1ab
R3(config-line)#login
R3(config-line)#exit
R3(config)#line vty 0 4
R3(config-line)#password insec1ab
R3(config-line)#login
R3(config-line)#exit
R3(config)#exit
R3#copy running-config startup-config
N3Y5-5-CONFIG_I: Configured from console by console
Destination filename [startup-config]?
Building configuration...
[OK]
R3#
```

Cấu hình cơ bản R4



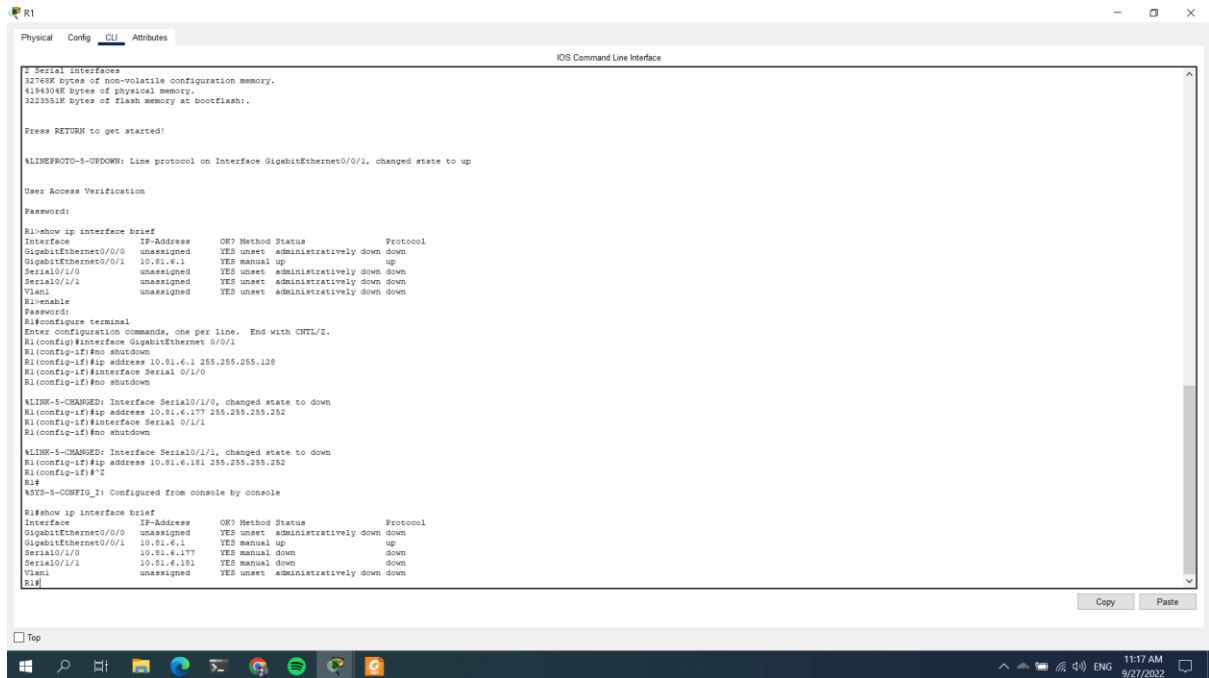
```
R4
Physical Config CLI Attributes
IOS Command Line Interface

Router>enable
Router#configure terminal
Enter configuration commands, one per line. End with CNTL/Z.
Router(config)#hostname R4
R4(config)#enable password insec1ab
R4(config)#service password-encryption
R4(config)#line console 0
R4(config-line)#password insec1ab
R4(config-line)#login
R4(config-line)#exit
R4(config)#line vty 0 4
R4(config-line)#password insec1ab
R4(config-line)#login
R4(config-line)#exit
R4(config)#exit
R4#copy running-config startup-config
N3Y5-5-CONFIG_I: Configured from console by console
Destination filename [startup-config]?
Building configuration...
[OK]
R4#show running-config
-
% Invalid input detected at '' marker.
R4#show running-config
Building configuration...

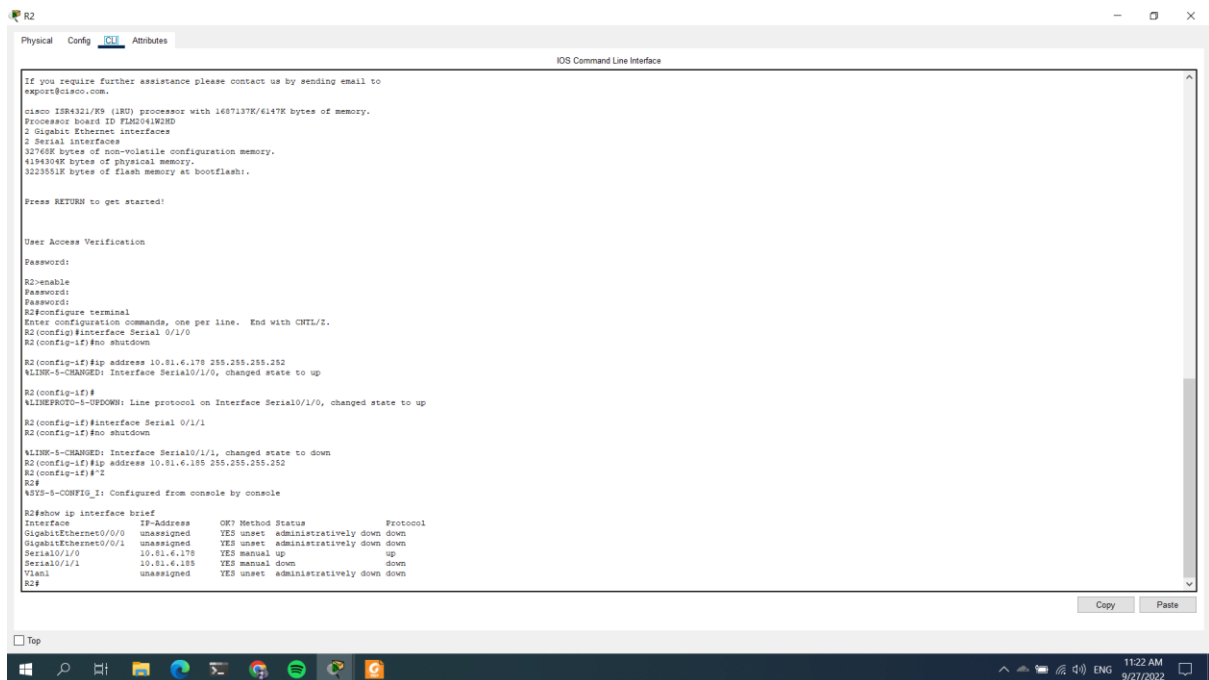
Current configuration : 816 bytes
!
version 15.4
no service timestamps log datetime msec
no service timestamps debug datetime msec
service password-encryption
!
hostname R4
!
enable password 7 0828425D0C1A091e10
!
!
!
no ip cef
no ipv6 cef
- More -
```

Yêu cầu 4: Sinh viên thực hiện cấu hình địa chỉ IP cho các Router và PC theo bảng chia địa chỉ IP ở Yêu cầu 2

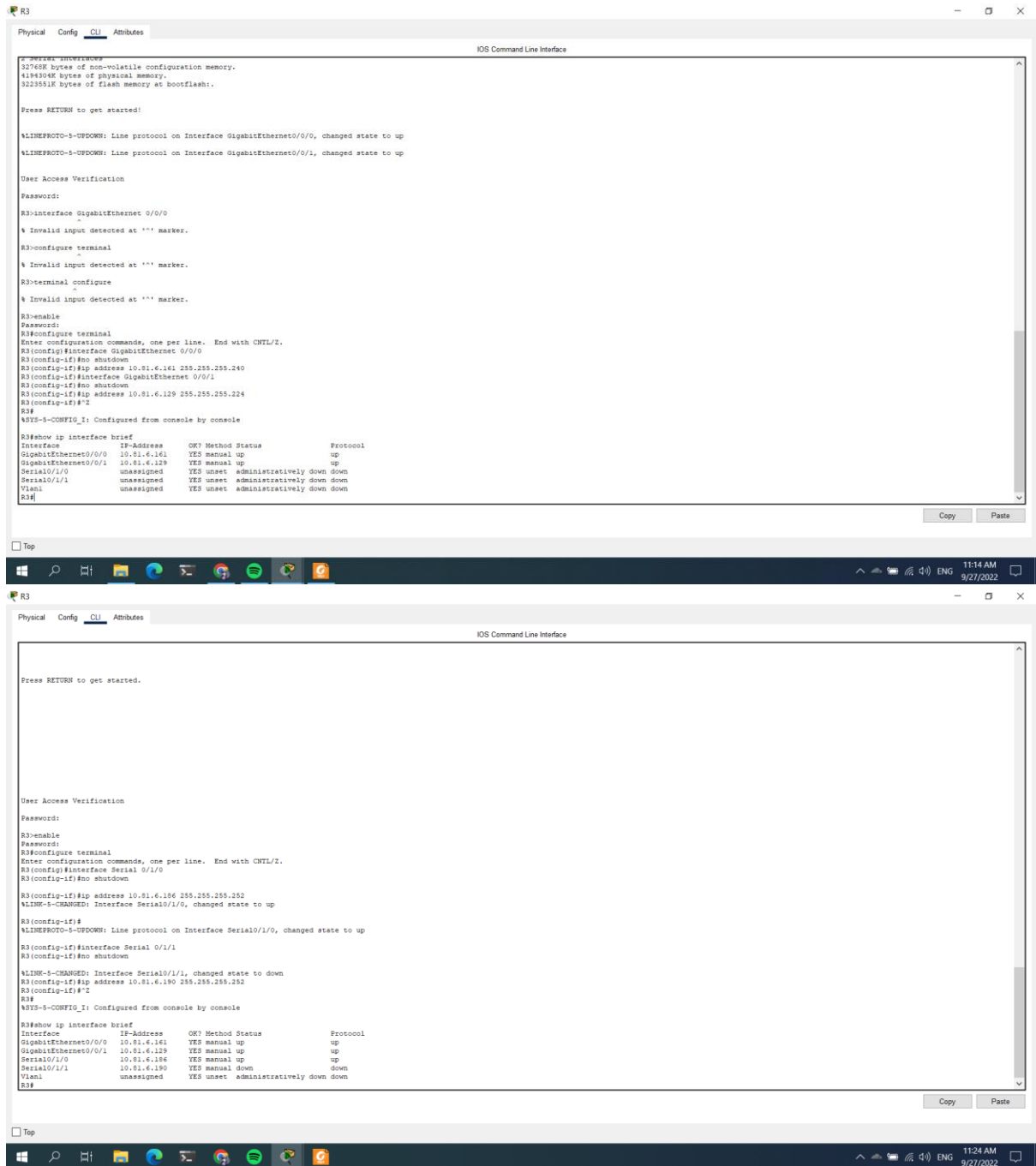
Cấu hình địa chỉ IP R1



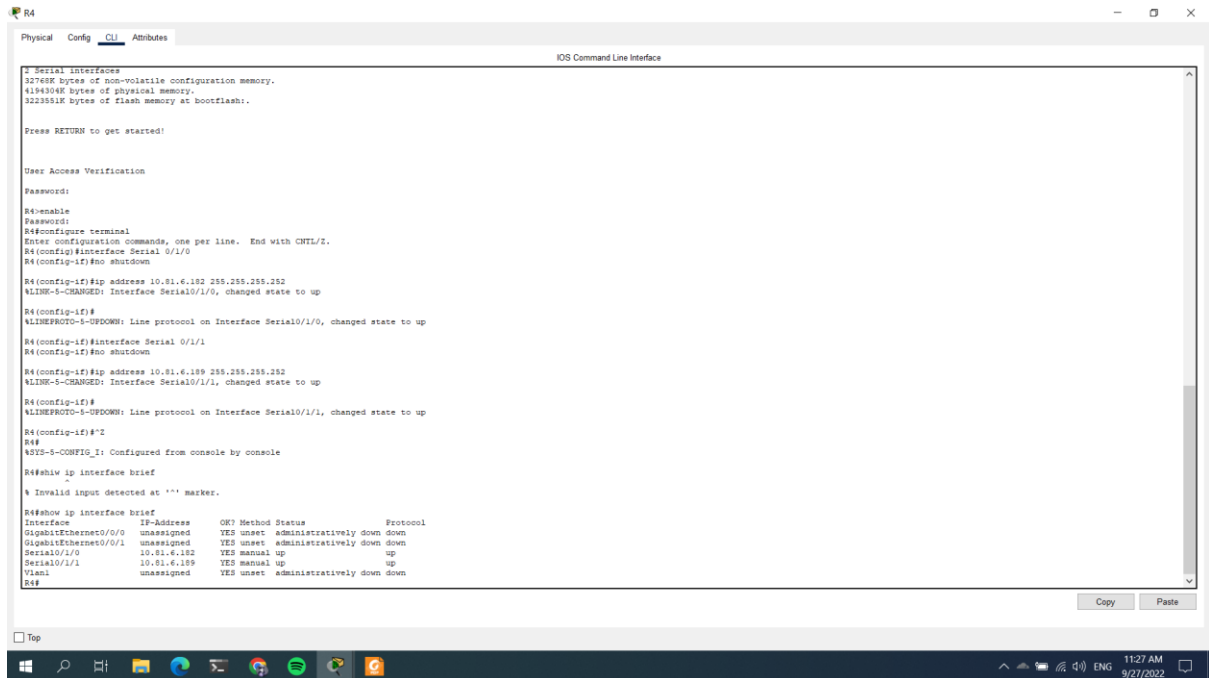
Cấu hình địa chỉ IP R2



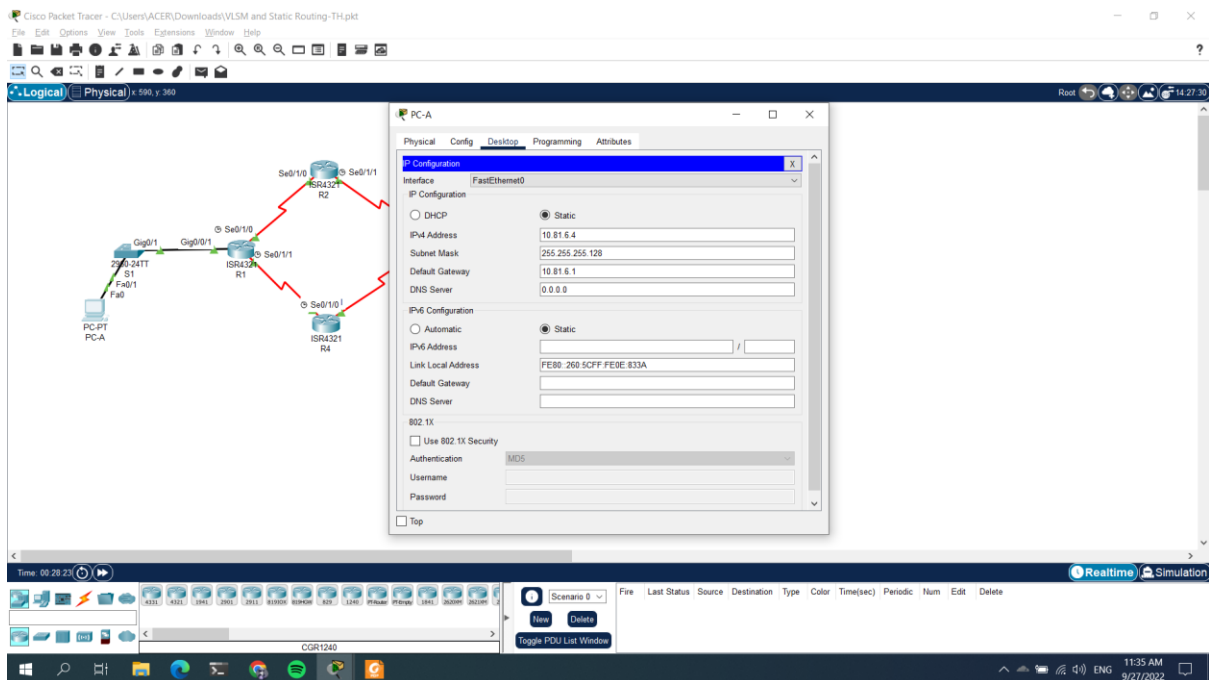
Cấu hình địa chỉ IP R3



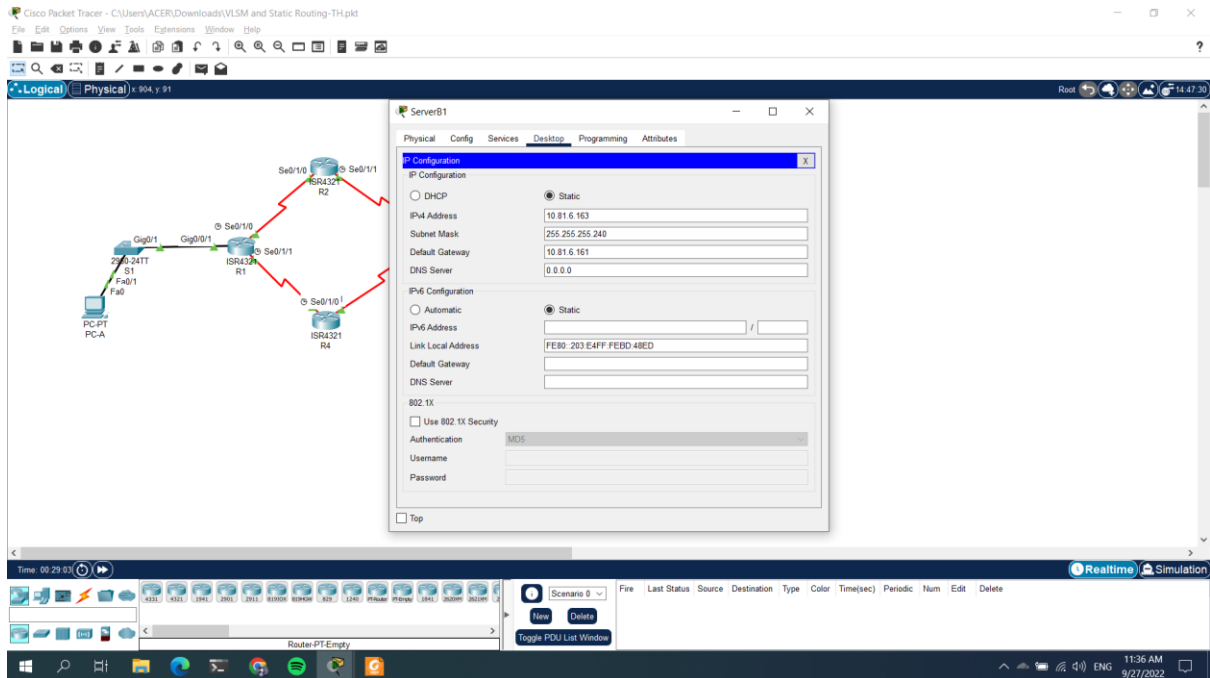
Cấu hình địa chỉ IP R4



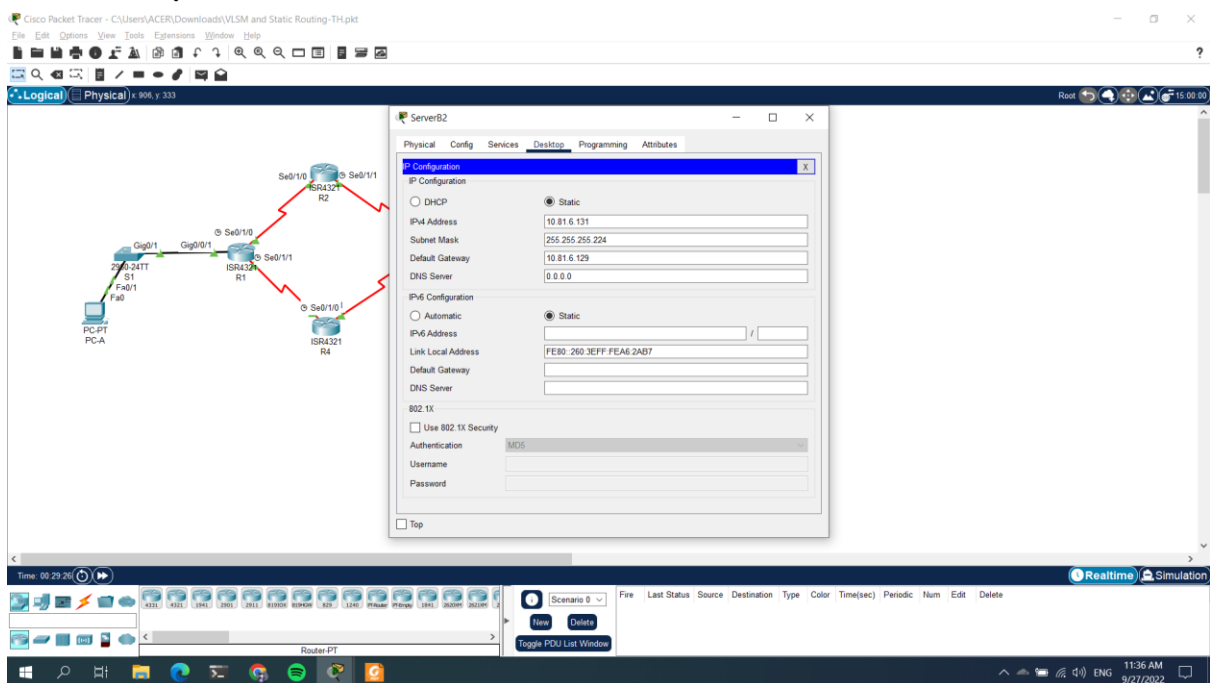
Cấu hình địa chỉ IP PC-A



Cấu hình địa chỉ IP Server B1



Cấu hình địa chỉ IP Server B2



Yêu cầu 5: Sinh viên thực hiện cấu hình định tuyến tĩnh cho mô hình mạng với yêu cầu bên dưới

Trường hợp đường chính

Configure R1

The screenshot displays the configuration of Router R1 in a network simulator. The configuration is divided into two main sections: the initial setup and the terminal output.

Initial Configuration:

```
R1(config)#ip route 10.81.6.184 255.255.255.252 10.81.6.178
R1(config)#ip route 10.81.6.160 255.255.255.240 10.81.6.186
R1(config)#ip route 10.81.6.188 255.255.255.252 10.81.6.182
R1(config)#?
R1#
R1>show ip route
Codes: L - local, C - connected, S - static, R - RIP, M - mobile, B - BGP
       D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area
       N1 - OSPF NSSA external type 1, N2 - OSPF NSSA external type 2
       E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP
       i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter area
       * - candidate default, U - per-user static route, o - ODR
       P - periodic downloaded static route

Gateway of last resort is not set

10.0.0.0/8 is variably subnetted, 9 subnets, 4 masks
C    10.81.6.0/28 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1
L    10.81.6.1/32 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1
S    10.81.6.160/28 [1/0] via 10.81.6.186
C    10.81.6.176/30 is directly connected, Serial0/1/0
L    10.81.6.177/32 is directly connected, Serial0/1/0
C    10.81.6.180/30 is directly connected, Serial0/1/1
L    10.81.6.181/32 is directly connected, Serial0/1/1
S    10.81.6.184/30 [1/0] via 10.81.6.178
S    10.81.6.188/30 [1/0] via 10.81.6.182

R1#configure terminal
Enter configuration commands, one per line. End with CNTL/Z.
R1(config)#ip route 10.81.6.120 255.255.255.224 10.81.6.186
R1(config)#?
R1#
R1>show ip route
Codes: L - local, C - connected, S - static, R - RIP, M - mobile, B - BGP
       D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area
       N1 - OSPF NSSA external type 1, N2 - OSPF NSSA external type 2
       E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP
       i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter area
       * - candidate default, U - per-user static route, o - ODR
       P - periodic downloaded static route

Gateway of last resort is not set

10.0.0.0/8 is variably subnetted, 10 subnets, 5 masks
C    10.81.6.0/28 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1
L    10.81.6.1/32 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1
S    10.81.6.120/27 [1/0] via 10.81.6.186
S    10.81.6.160/28 [1/0] via 10.81.6.186
```

Terminal Output:

```
R1#show ip route
Codes: L - local, C - connected, S - static, R - RIP, M - mobile, B - BGP
       D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area
       N1 - OSPF NSSA external type 1, N2 - OSPF NSSA external type 2
       E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP
       i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter area
       * - candidate default, U - per-user static route, o - ODR
       P - periodic downloaded static route

Gateway of last resort is not set

10.0.0.0/8 is variably subnetted, 5 subnets, 3 masks
C    10.81.6.0/28 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1
L    10.81.6.1/32 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1
S    10.81.6.120/27 [1/0] via 10.81.6.186
S    10.81.6.160/28 [1/0] via 10.81.6.186
L    10.81.6.180/30 is directly connected, Serial0/1/1
S    10.81.6.188/30 [1/0] via 10.81.6.182

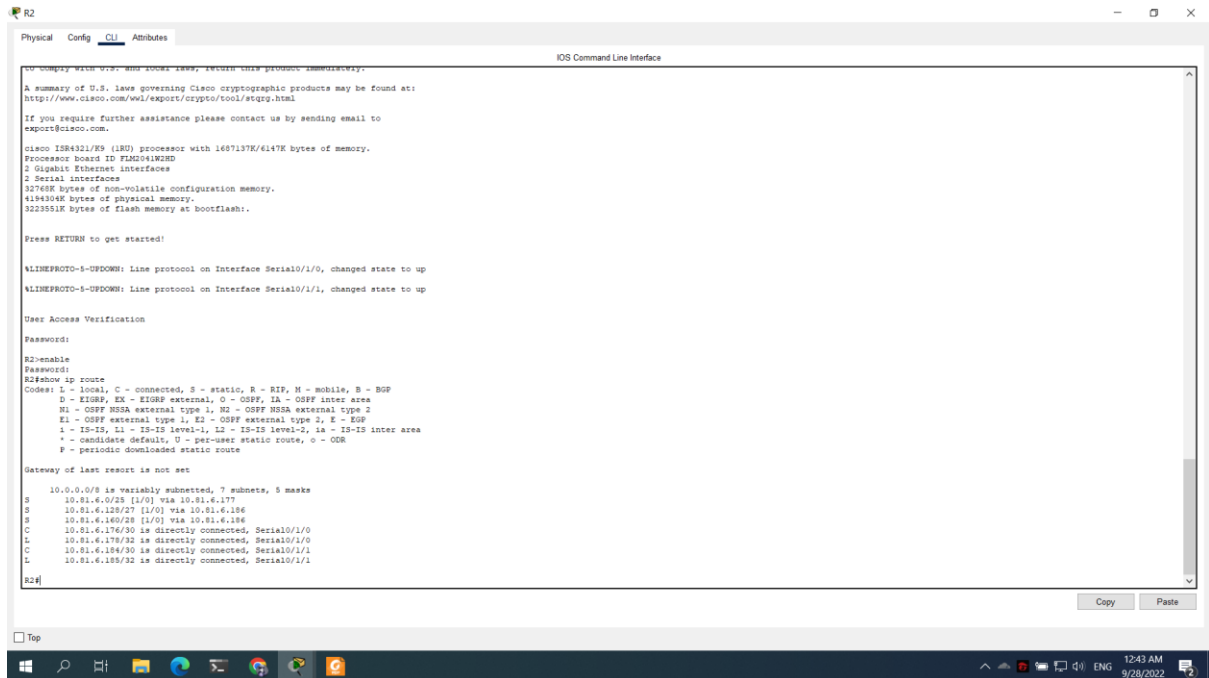
R1#configure terminal
Enter configuration commands, one per line. End with CNTL/Z.
R1(config)#ip route 10.81.6.120 255.255.255.224 10.81.6.180
R1(config)#?
R1#
R1>show ip route
Codes: L - local, C - connected, S - static, R - RIP, M - mobile, B - BGP
       D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area
       N1 - OSPF NSSA external type 1, N2 - OSPF NSSA external type 2
       E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP
       i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter area
       * - candidate default, U - per-user static route, o - ODR
       P - periodic downloaded static route

Gateway of last resort is not set

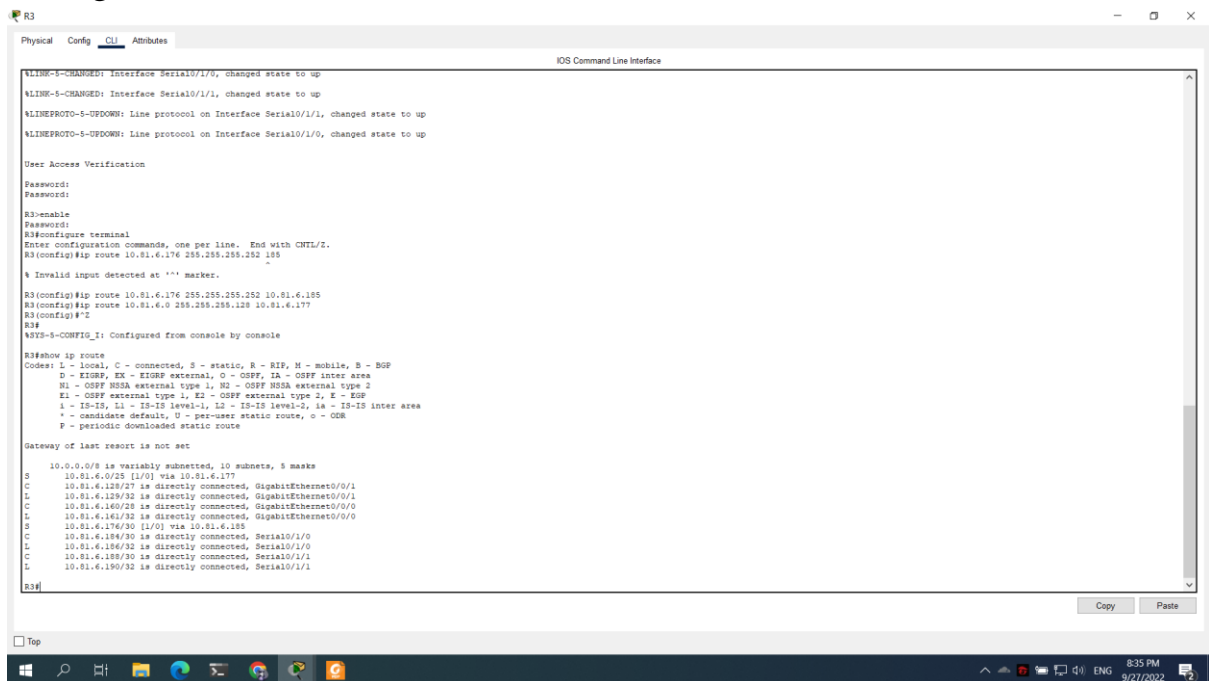
10.0.0.0/8 is variably subnetted, 7 subnets, 3 masks
C    10.81.6.0/28 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1
L    10.81.6.1/32 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1
S    10.81.6.120/27 [1/0] via 10.81.6.186
S    10.81.6.160/28 [1/0] via 10.81.6.186
L    10.81.6.180/30 is directly connected, Serial0/1/1
L    10.81.6.181/32 is directly connected, Serial0/1/1
S    10.81.6.188/30 [1/0] via 10.81.6.182

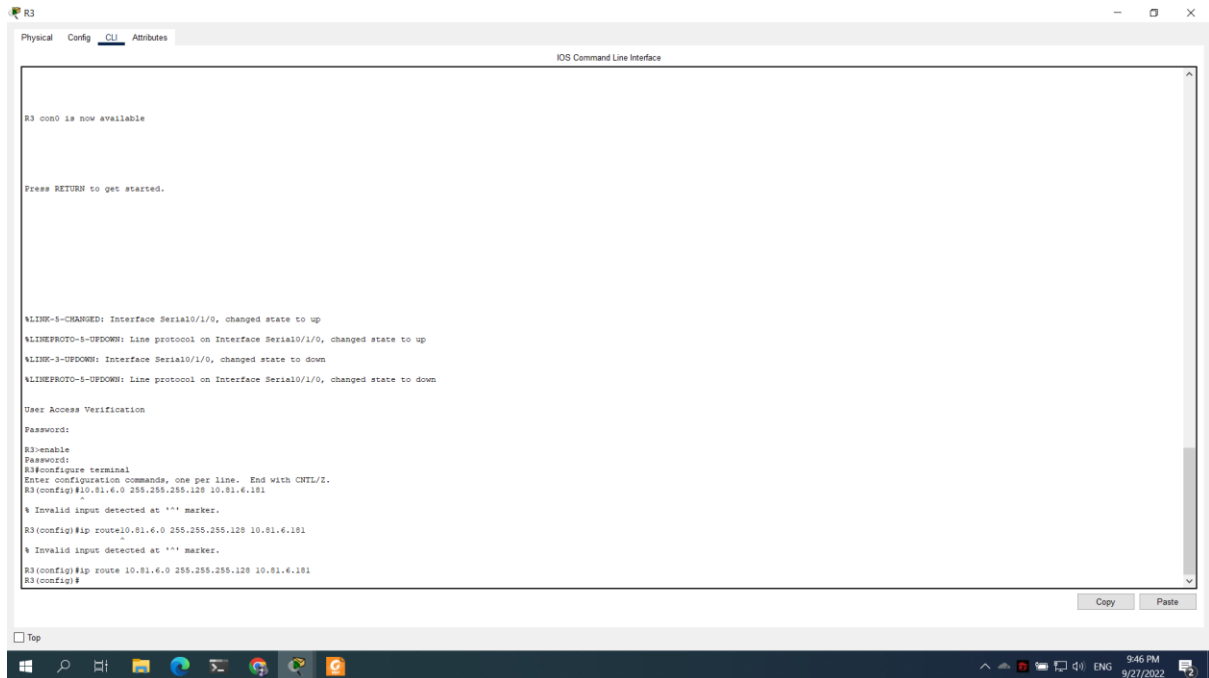
R1#
```

Configure R2

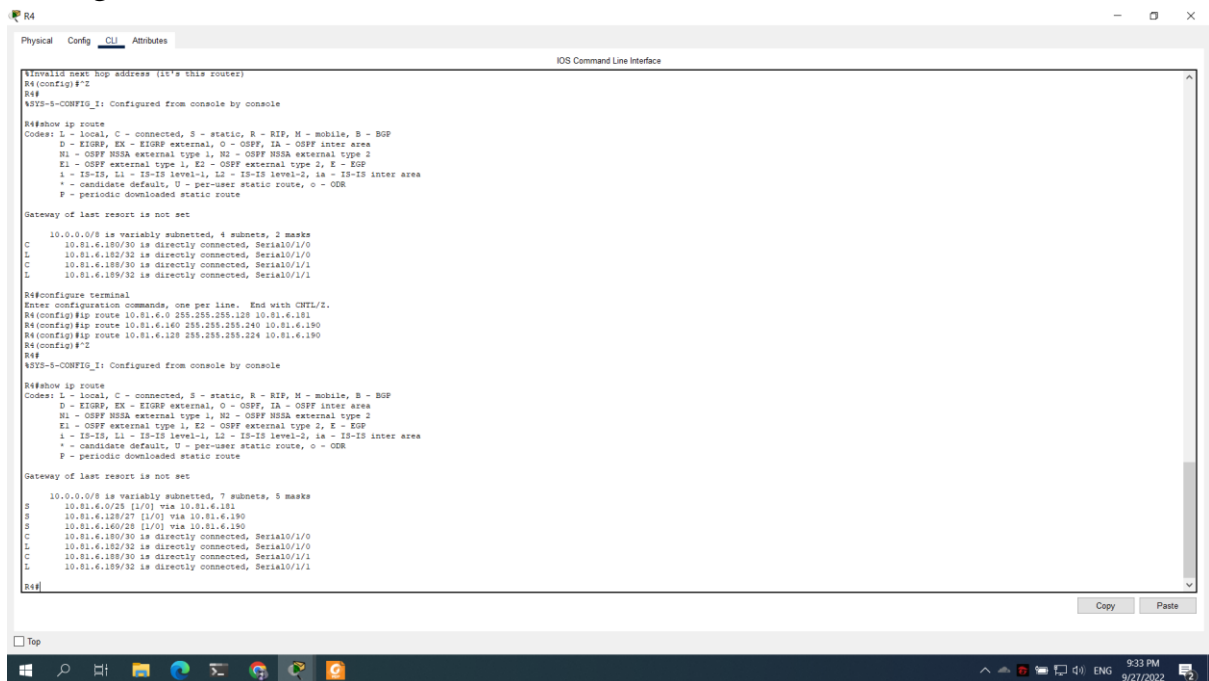


Configure R3

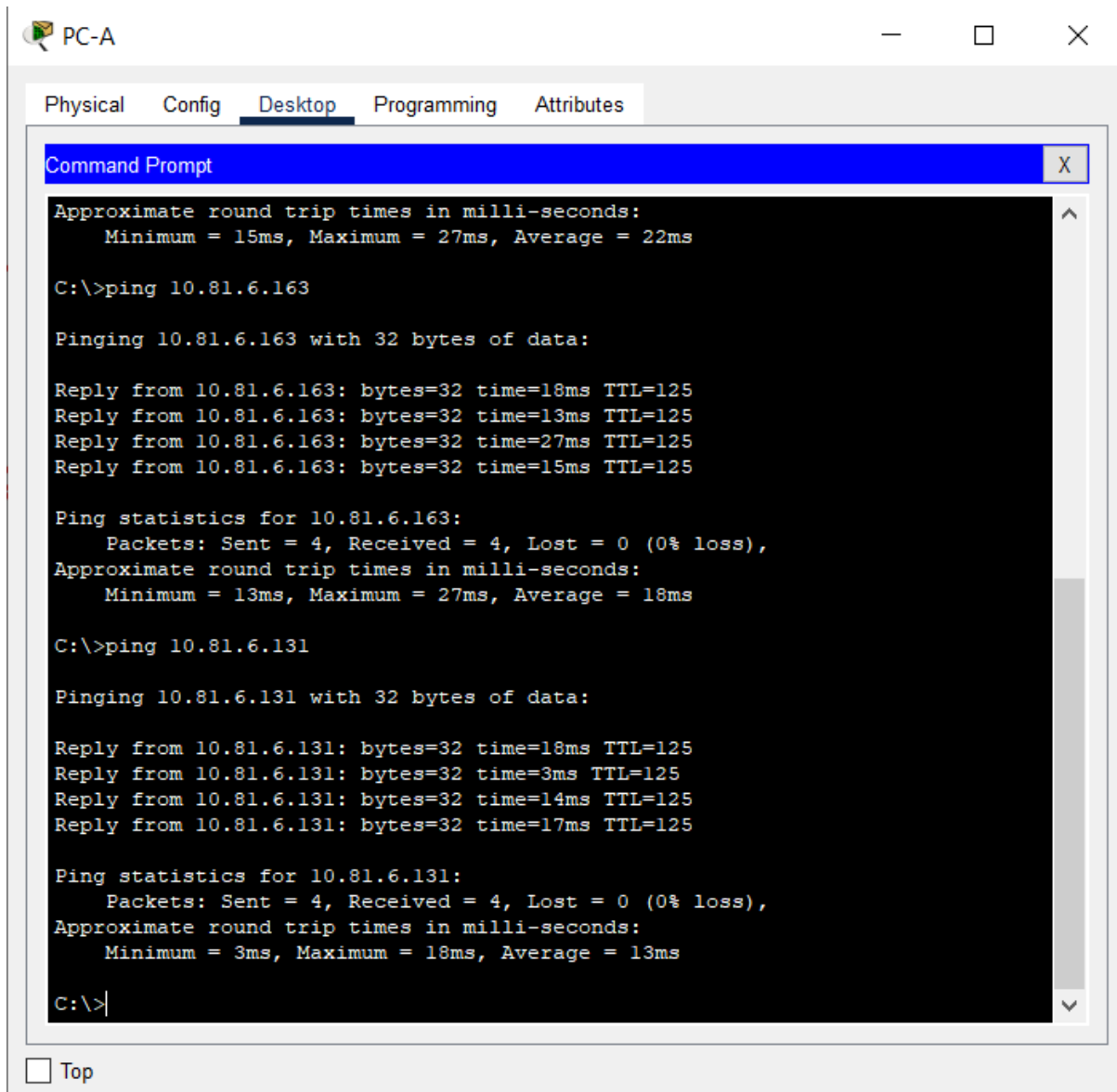




Configure R4



Ping tu PC den server B1 va B2



Tracert tới server B1 và B2

PC-A

Physical Config Desktop Programming Attributes

Command Prompt

C:\>ping 10.81.6.161

Pinging 10.81.6.161 with 32 bytes of data:

Reply from 10.81.6.161: bytes=32 time=30ms TTL=253

Reply from 10.81.6.161: bytes=32 time=19ms TTL=253

Reply from 10.81.6.161: bytes=32 time=25ms TTL=253

Reply from 10.81.6.161: bytes=32 time=22ms TTL=253

Ping statistics for 10.81.6.161:

Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),

Approximate round trip times in milli-seconds:

Minimum = 19ms, Maximum = 30ms, Average = 24ms

C:\>tracert 10.81.6.161

Tracing route to 10.81.6.161 over a maximum of 30 hops:

1 0 ms 0 ms 0 ms 10.81.6.1

2 0 ms 11 ms 0 ms 10.81.6.178

3 0 ms 4 ms 0 ms 10.81.6.161

Trace complete.

C:\>tracert 10.81.6.131

Tracing route to 10.81.6.131 over a maximum of 30 hops:

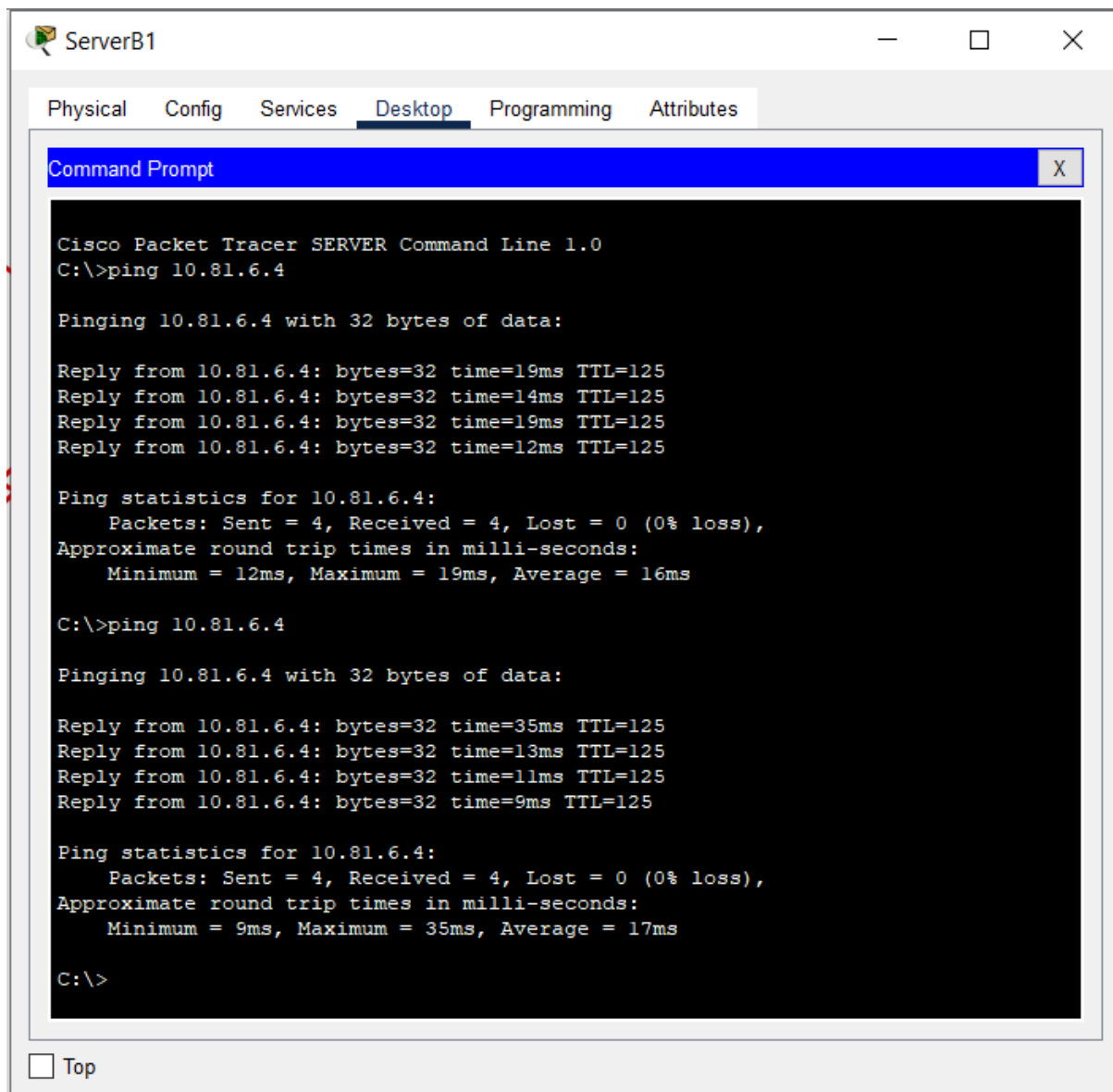
1 0 ms 0 ms 0 ms 10.81.6.1

2 15 ms 4 ms 8 ms 10.81.6.178

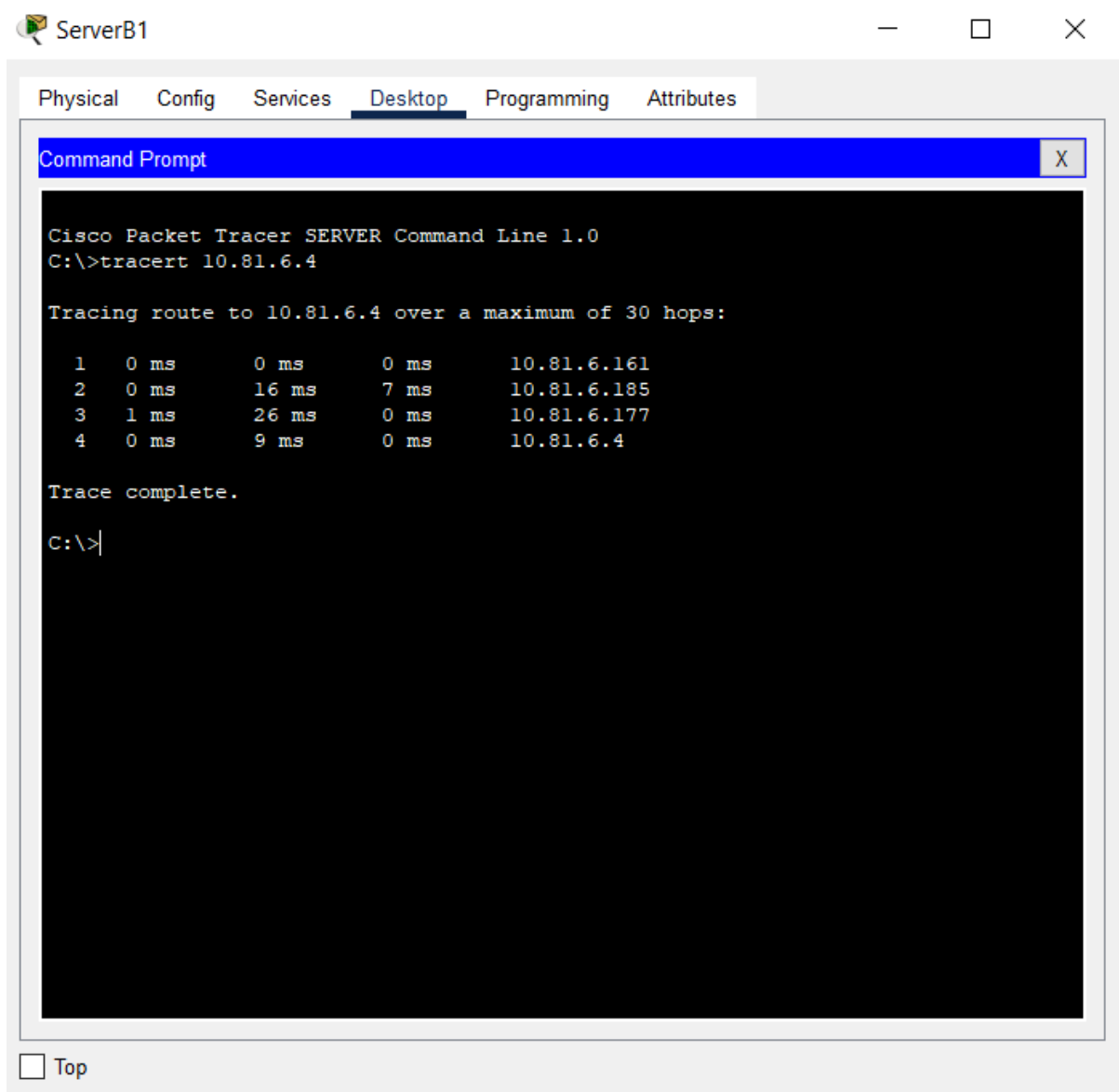
3 6 ms 1 ms 14 ms 10.81.6.186

Top

Ping từ server B1 tới PC-A



Tracert từ server B1 đến PC-A



Ping từ server B2 đến PC-A

Physical Config Services **Desktop** Programming Attributes

Command Prompt

```
Cisco Packet Tracer SERVER Command Line 1.0
C:\>ping 10.81.6.4

Pinging 10.81.6.4 with 32 bytes of data:

Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=31ms TTL=125
Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=22ms TTL=125
Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=19ms TTL=125
Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=10ms TTL=125

Ping statistics for 10.81.6.4:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
    Approximate round trip times in milli-seconds:
        Minimum = 10ms, Maximum = 31ms, Average = 20ms

C:\>ping 10.81.6.4

Pinging 10.81.6.4 with 32 bytes of data:

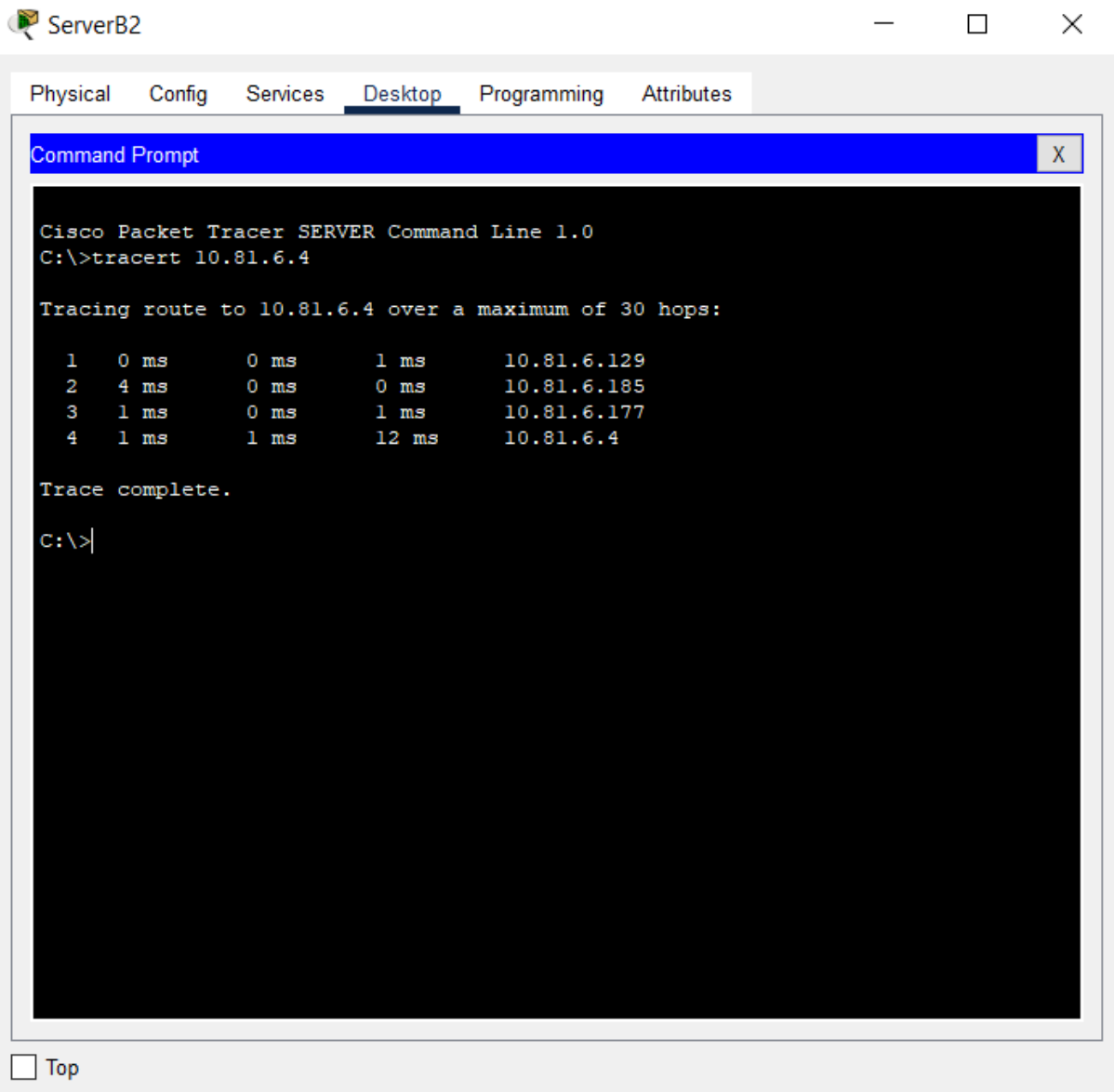
Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=16ms TTL=125
Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=14ms TTL=125
Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=14ms TTL=125
Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=13ms TTL=125

Ping statistics for 10.81.6.4:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
    Approximate round trip times in milli-seconds:
        Minimum = 13ms, Maximum = 16ms, Average = 14ms

C:\>|
```

☐ Top

Tracert từ server B2 tới PC-A



Trường hợp đường dự trữ

Configure và check

Configure R1

Physical

Config

CLI

Attributes

IOS Command Line Interface

User Access Verification

Password:

R1>enable

Password:

R1#show ip route

Codes: L - local, C - connected, S - static, R - RIP, M - mobile, B - BGP

D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area

N1 - OSPF NSSA external type 1, N2 - OSPF NSSA external type 2

E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP

i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter

area

* - candidate default, U - per-user static route, o - ODR

P - periodic downloaded static route

Gateway of last resort is not set

10.0.0.0/8 is variably subnetted, 7 subnets, 5 masks

C 10.81.6.0/25 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1

L 10.81.6.1/32 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1

S 10.81.6.128/27 [254/0] via 10.81.6.190

S 10.81.6.160/28 [254/0] via 10.81.6.190

C 10.81.6.180/30 is directly connected, Serial0/1/1

L 10.81.6.181/32 is directly connected, Serial0/1/1

S 10.81.6.188/30 [1/0] via 10.81.6.182

R1#

Copy

Paste

☐ Top

Configure R4

Physical Config CLI Attributes

IOS Command Line Interface

User Access Verification

Password:

R4>enable

Password:

R4#show ip route

Codes: L - local, C - connected, S - static, R - RIP, M - mobile, B - BGP
D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area
N1 - OSPF NSSA external type 1, N2 - OSPF NSSA external type 2
E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP
i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter
area
* - candidate default, U - per-user static route, o - ODR
P - periodic downloaded static route

Gateway of last resort is not set

10.0.0.0/8 is variably subnetted, 7 subnets, 5 masks


S 10.81.6.0/25 [1/0] via 10.81.6.181
S 10.81.6.128/27 [1/0] via 10.81.6.190
S 10.81.6.160/28 [1/0] via 10.81.6.190
C 10.81.6.180/30 is directly connected, Serial0/1/0
L 10.81.6.182/32 is directly connected, Serial0/1/0
C 10.81.6.188/30 is directly connected, Serial0/1/1
L 10.81.6.189/32 is directly connected, Serial0/1/1

R4#

Copy Paste

☐ Top

Configure R3

 R3— □ ×

PhysicalConfigCLIAttributes

IOS Command Line Interface

User Access Verification

Password:

R3>enable

Password:

R3#show ip route

Codes: L - local, C - connected, S - static, R - RIP, M - mobile, B - BGP
D - EIGRP, EX - EIGRP external, O - OSPF, IA - OSPF inter area
N1 - OSPF NSSA external type 1, N2 - OSPF NSSA external type 2
E1 - OSPF external type 1, E2 - OSPF external type 2, E - EGP
i - IS-IS, L1 - IS-IS level-1, L2 - IS-IS level-2, ia - IS-IS inter
area
* - candidate default, U - per-user static route, o - ODR
P - periodic downloaded static route

Gateway of last resort is not set

10.0.0.0/8 is variably subnetted, 8 subnets, 5 masks

S 10.81.6.0/25 [254/0] via 10.81.6.181

C 10.81.6.128/27 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1

L 10.81.6.129/32 is directly connected, GigabitEthernet0/0/1

C 10.81.6.160/28 is directly connected, GigabitEthernet0/0/0

L 10.81.6.161/32 is directly connected, GigabitEthernet0/0/0

S 10.81.6.180/30 [1/0] via 10.81.6.189

C 10.81.6.188/30 is directly connected, Serial0/1/1

L 10.81.6.190/32 is directly connected, Serial0/1/1

R3#

CopyPaste

☐ Top

Ping và tracert từ PC-A tới server B1 và B2

```
PC-A
Physical Config Desktop Programming Attributes
Command Prompt

Tracing route to 10.81.6.131 over a maximum of 30 hops:
  0  0 ms  0 ms  0 ms  10.81.6.1
  1 15 ms  0 ms  0 ms  10.81.6.178
  2 15 ms  0 ms  1 ms  10.81.6.156
  3 1 ms  0 ms  1 ms  10.81.6.131
Trace complete.

C:\>tracert 10.81.6.131

Tracing route to 10.81.6.131 over a maximum of 30 hops:
  0  0 ms  0 ms  0 ms  10.81.6.1
  1  0 ms  0 ms  4 ms  10.81.6.132
  2 1 ms  4 ms  3 ms  10.81.6.190
  3 0 ms  9 ms  0 ms  10.81.6.131
Trace complete.

C:\>tracert 10.81.6.163

Tracing route to 10.81.6.163 over a maximum of 30 hops:
  0  0 ms  0 ms  0 ms  10.81.6.1
  1  9 ms  4 ms  0 ms  10.81.6.132
  2 16 ms 13 ms 1 ms  10.81.6.190
  3 5 ms  3 ms  0 ms  10.81.6.163
Trace complete.

C:\>ping 10.81.6.131

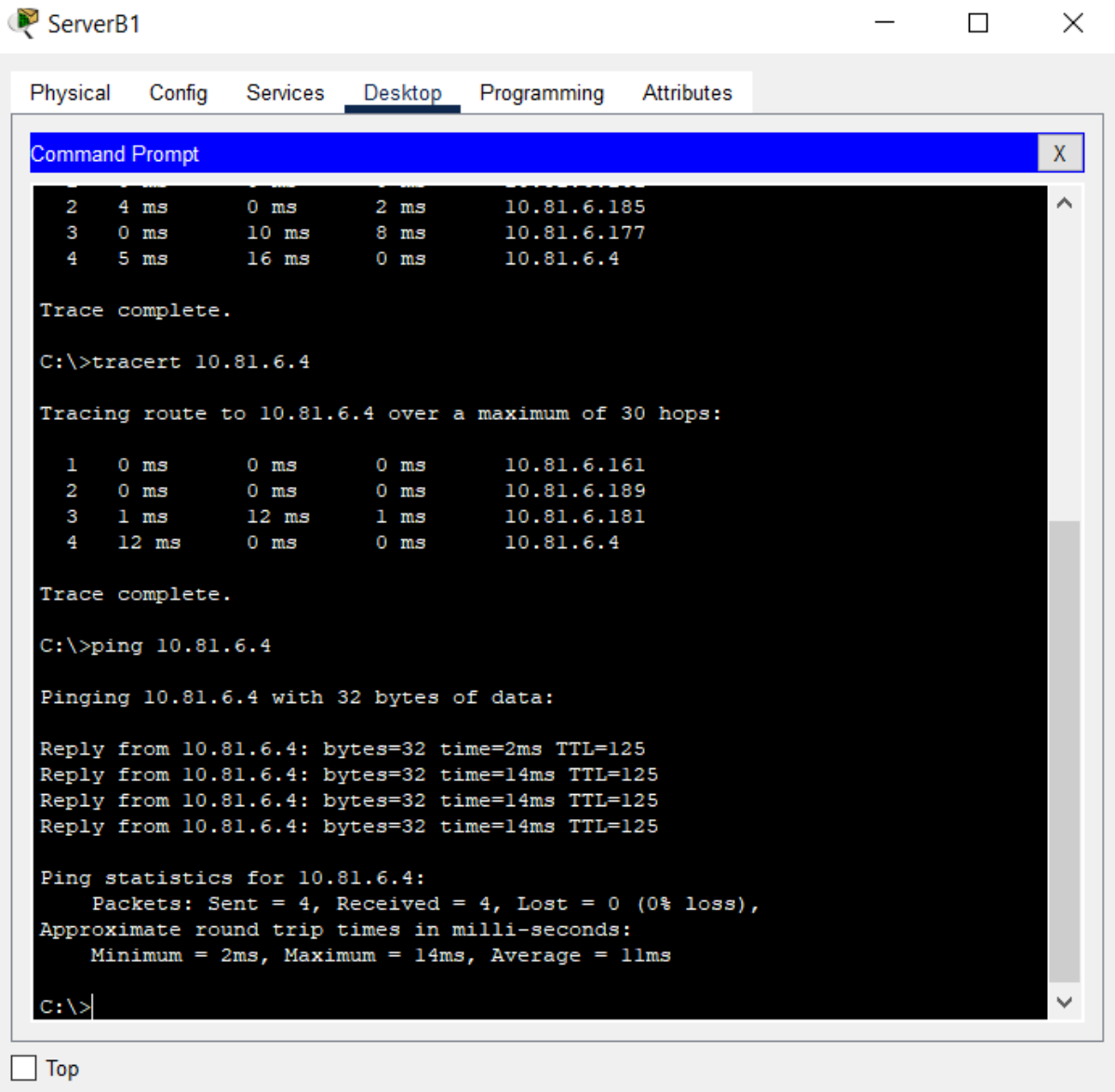
Pinging 10.81.6.131 with 32 bytes of data:
Reply from 10.81.6.131: bytes=32 time=1ms TTL=125
Reply from 10.81.6.131: bytes=32 time=1ms TTL=125
Reply from 10.81.6.131: bytes=32 time=1ms TTL=125
Reply from 10.81.6.131: bytes=32 time=9ms TTL=125

Ping statistics for 10.81.6.131:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
    Approximate round trip times in milli-seconds:
        Minimum = 13ms, Maximum = 34ms, Average = 22ms

C:\>ping 10.81.6.163

Pinging 10.81.6.163 with 32 bytes of data:
Reply from 10.81.6.163: bytes=32 time=5ms TTL=125
Reply from 10.81.6.163: bytes=32 time=3ms TTL=125
Reply from 10.81.6.163: bytes=32 time=5ms TTL=125
Reply from 10.81.6.163: bytes=32 time=5ms TTL=125
```

Ping và tracert từ server B1 tới PC-A



Ping và tracert từ server B2 tới PC-A

Physical Config Services Desktop Programming Attributes

Command Prompt

```
Request timed out.
Request timed out.

Ping statistics for 10.81.6.181:
    Packets: Sent = 4, Received = 0, Lost = 4 (100% loss),

C:\>ping 10.81.6.4

Pinging 10.81.6.4 with 32 bytes of data:

Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=14ms TTL=125
Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=2ms TTL=125
Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=16ms TTL=125
Reply from 10.81.6.4: bytes=32 time=16ms TTL=125

Ping statistics for 10.81.6.4:
    Packets: Sent = 4, Received = 4, Lost = 0 (0% loss),
Approximate round trip times in milli-seconds:
    Minimum = 2ms, Maximum = 16ms, Average = 12ms

C:\>tracert 10.81.6.4

Tracing route to 10.81.6.4 over a maximum of 30 hops:

  0  0 ms    0 ms    0 ms    10.81.6.129
  1  0 ms    4 ms    0 ms    10.81.6.189
  2  1 ms    4 ms    1 ms    10.81.6.181
  3  5 ms    8 ms    1 ms    10.81.6.4

Trace complete.

C:\>
```

☐ Top